

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỊNH KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT
V/v dự kiến kế hoạch các chỉ tiêu
ngành nông nghiệp trong năm 2026
trên địa bàn xã Tịnh Khê

Tịnh Khê, ngày 02 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đề nghị của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 284/TTBVCL-TT ngày 30/9/2025 về việc tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch các chỉ tiêu ngành nông nghiệp trong năm 2026,

UBND xã Tịnh Khê xây dựng dự kiến kế hoạch năm 2026 theo biểu phụ lục chỉ tiêu kèm theo.

Kính báo cáo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi biết tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, PCT (kt) UBND xã;
- VP HĐND&UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, PKT (Bách).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoài Thanh

KẾ HOẠCH NĂM 2026**UBND XÃ TỈNH KHÊ**

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày 02/10/2025)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	KH 2025/TH 2024 (%)	TH 2025/TH 2024 (%)	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nông nghiệp								
a)	Trồng trọt								
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	12.054,00	11.743,00	11.731,83	97,4	97,33	11.731,83	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	10.792,00	10.512,00	10.584,63	97,4	98,08	10.584,63	
	+ Ngô	Tấn	1.262,00	1.231,00	1.147,20	97,5	90,90	1.147,20	
	- Lúa: Diện tích	Ha	1.657,00	1.645,00	1.680,10	99,3	101,39	1.680,10	
	Năng suất	Tạ/ha	65,20	63,90	63,00	98,0	96,63	63,00	
	Sản lượng	Tấn	10.803,64	10.511,55	10.584,63	97,3	97,97	10.584,63	
	- Ngô: Diện tích	Ha	221,00	216,00	191,20	97,7	86,52	191,20	
	Năng suất	Tạ/ha	57,10	57,10	60,00	100,0	105,08	60,00	
	Sản lượng	Tấn	1.261,91	1.233,36	1.147,20	97,7	90,91	1.147,20	
	- Cây công nghiệp ngắn ngày								
	+ Lạc: Diện tích	Ha	64,00	64,00	98,00	100,0	153,13	98,00	
	Năng suất	Tạ/ha	22,00	22,00	24,00	100,0	109,09	24,00	
	Sản lượng	Tấn	140,80	140,80	235,20	100,0	167,05	235,20	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	14,00	13,00	0,00	92,9	0,00	0,00	
	Năng suất	Tạ/ha	20,90	20,90	0,00	100,0	0,00	0,00	
	Sản lượng	Tấn	29,26	27,17	0,00	92,9	0,00	0,00	
	+ Sắn: Diện tích	Ha			0,00				
	Năng suất	Tạ/ha			0,00				
	Sản lượng	Tấn			0,00				
	+ Mía: Diện tích	Ha			0,00				
	Năng suất	Tạ/ha			0,00				
	Sản lượng	Tấn			0,00				
	- Rau: Diện tích	Ha	606,00	605,00	533,00	99,8	87,95	533,00	
	Năng suất	Tạ/ha	230,00	228,00	224,00	99,1	97,39	224,00	
	Sản lượng	Tấn	13.938,00	13.794,00	11.939,20	99,0	85,66	11.939,20	
	- Cây lâu năm				0,00				
	+ Cà phê	Ha			0,00				
	Trong đó trồng mới	Ha			0,00				
	Cà phê xứ lạnh	Ha			0,00				
	Trong đó trồng mới	Ha			0,00				
	+ Cao su	Ha			0,00				
	Trong đó trồng mới	Ha			0,00				
	+ Cây ăn quả các loại	Ha			0,00				
	Trong đó trồng mới	Ha			0,00				
	+ Cây Mắc ca	Ha			0,00				
	Trong đó trồng mới	Ha			0,00				